

Thời gian chung sống, chị K và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 31/10/2011. Cháu T do chị K đang nuôi dạy. Khi ly hôn chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị K không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị K và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc và hiện tại anh chị đã ly thân nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; chấp nhận yêu cầu của chị K về việc yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Chị K phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ T diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh T có địa chỉ tại ấp T, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị K và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vào ngày 21/12/2020 chị K có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Chí T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XD, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 21/9/2011. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9

của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị K yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, yêu cầu của chị K là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống chị K và anh T có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã ly thân với khoảng thời gian tương đối dài mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh T vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Chí T được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 31/10/2011 (giới tính nữ). Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu T là có căn cứ. Bởi vì, cháu T là nữ, hiện chị K nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2020 cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị K. Do cháu T đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của cháu T là phù hợp và được pháp luật bảo vệ. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh T biết yêu cầu của chị K về việc được tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị K. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu T cho chị K nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng không xét là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị K phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Chí T.
2. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Chí T được ly hôn.
3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 31/10/2011 (giới tính nữ) cho chị Phạm Thị K tiếp tục nuôi dạy. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị K phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 02 tháng 11 năm 2020 chị K có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011272 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã XĐ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kiều Trang